| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHỢ LÁCH**<br>TỈNH BẾN TRE | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 70/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 21/3/2023.
*V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Dương Ngọc Tú.
***Các Hội thẩm nhân dân:***
1. Ông Nguyễn Văn Thành.
2. Ông Nguyễn Văn Hơn.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2023/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Mộng T - Sinh năm: 1991; địa chỉ: ấp BAA, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh Bến Tre; chỗ ở hiện nay: ấp QD, xã TT, huyện VL, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt - có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

* *Bị đơn*: Anh Lê Quang Nghĩa - Sinh năm: 1988; địa chỉ: ấp BAA, thị trấn CL, huyện CL, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:***

*Về hôn nhân:* Năm 2010 chị Lê Thị Mộng T và anh Lê Quang N có tiến đến hôn nhân, hôn nhân giữa anh chị là tự nguyện, anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn CL, huyện CL, tỉnh Bến Tre vào ngày 22/10/2010.

Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc vài năm thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do cuộc sống chung có nhiều bất đồng quan điểm, anh N không lo cho gia đình, không đi làm, anh thường xuyên uống rượu từ đó giữa anh chị thường xảy ra cãi vã và đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay.

Trước năm 2022, chị 02 lần về nhà cha mẹ ruột nhưng do thương chồng, thương con nên chị cho anh cơ hội hàn gắn. Tuy nhiên, đến nay anh N không sửa đổi. Cho rằng tình cảm vợ chồng là không còn, không thể hàn gắn để đoàn tụ. Vì vậy, chị T yêu cầu được ly hôn với anh N. Chị không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

*Về con chung:* Anh chị có 02 người con chung là Lê Quang Phúc N - Sinh ngày: 29/10/2013 và Lê Quang K - Sinh ngày: 25/9/2020. Sau khi ly hôn chị T đồng ý việc anh N tiếp tục nuôi cháu N. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu K. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ:* Không có.

***Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn trình bày:***

Do anh hay uống rượu và không có việc làm nên vợ chồng có mâu thuẫn. Do còn thương vợ, thương con nên anh không đồng ý ly hôn mà mong muốn đoàn tụ. Do không đồng ý ly hôn nên anh không có yêu cầu gì về con.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Không có.

***Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên:***

*Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng về trình tự, thủ tục tố tụng.

*Về quan điểm giải quyết vụ án:*

*Về hôn nhân:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh N.

*Về con chung:*

Giao cháu Lê Quang Phúc N - Sinh ngày: 29/10/2013 cho anh N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao cháu Lê Quang K - Sinh ngày: 25/9/2020 cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận việc chị T, anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với người con mà mình trực tiếp nuôi dưỡng.

*Về tài sản, về về nợ:* Chị T, anh N khai không có nên không xem xét giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về tố tụng:* Đây là vụ án "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do các bên tranh chấp và nguyên đơn có đơn khởi kiện nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do vậy, việc Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

*[2] Về hôn nhân:* Việc kết hôn giữa chị Lê Thị Mộng T và anh Lê Quang N là tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn CL, huyện CL, tỉnh Bến Tre vào ngày 22/10/2010. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, sau khi kết hôn và chung sống hạnh phúc một thời gian thì đời sống hôn nhân có nhiều mâu thuẫn và anh chị đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T kiên quyết ly hôn với anh Na. Anh N không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng thừa nhận mâu thuẫn giữa anh chị kéo dài trong nhiều năm mà nguyên nhân là anh không có việc làm và hay uống rượu, sự việc diễn ra trong nhiều năm. Gần 01 năm nay anh chị đã sống ly thân. Từ khi sống ly thân đến nay giữa anh chị không có sự quan tâm đến nhau mà mạnh ai nấy sống. Từ đó cho thấy, hôn nhân giữa anh chị đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh N là phù hợp.

*[3] Về con chung:* Anh chị có 02 người con chung là Lê Quang Phúc N - Sinh ngày: 29/10/2013 và Lê Quang K - Sinh ngày: 25/9/2020, Hội đồng xét xử xét thấy:

Do cháu N đang sống với anh N và cháu có nguyện vọng tiếp tục sống với anh. Do vậy, cần giao cháu N cho anh N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với cháu K, hiện nay đang sống với chị T, cháu chưa được 3 tuổi, cháu cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Do vậy, cần cần giao cháu K cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và điều này là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Ghi nhận việc chị T, anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với người con mà mình trực tiếp nuôi dưỡng.

*[4] Về tài sản, về về nợ:* Chị T, anh N khai không có nên không xem xét giải quyết.

*[5]* Xét đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*[6] Về án phí:* Các đương sự phải nộp án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 119 của Luật hôn nhân và gia đình;

Các điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

**1. Về hôn nhân:** Chị Lê Thị Mộng T được ly hôn với anh Lê Quang N.

**2. Về con chung:**

Giao cháu Lê Quang Phúc N - Sinh ngày: 29/10/2013 cho anh N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, hiện nay con đang sống với anh N.

Giao cháu Lê Quang K - Sinh ngày: 25/9/2020 cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, hiện nay con đang sống với chị T.

Ghi nhận việc chị T, anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với người con mà mình trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lợi dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung cha, mẹ hoặc cơ quan có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

**3. Về tài sản, về nợ:** Chị T, anh N khai không có nên không xem xét giải quyết.

**4. Về án phí sơ thẩm:** Nguyên đơn phải nộp 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0001535 ngày 28/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Nguyên đơn đã nộp đủ án phí.

**5. Về quyền kháng cáo:**

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Chợ Lách;*
- *Chi cục THADS huyện Chợ Lách;*
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *UBND xã (nơi cấp giấy chứng nhận kết hôn);*
- *Lưu hsva, Vp.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký tên và đóng dấu)**

**Dương Ngọc Tú**